TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **36**/2019/HS-PT
Ngày 23/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Kiều Trang**– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 233/2018/TLPT-HS ngày 20/12/2018 đối với bị cáo Phạm X do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Phạm X** sinh năm 1964 tại Tp. Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Phạm T (đã chết); Con bà Huỳnh Thị H (đã chết). Vợ: Phan Thị T2 và 08 người con (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2000). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2017, Phạm X đến Công an huyện Hòa Vang để giải quyết công việc. Tại đây Phạm X gặp anh Nguyễn N, là người đang bị Cơ quan

Cảnh sát điều tra huyện Hòa Vang khởi tố về tội "Cướp tài sản". Lúc này Phạm X làm quen và giới thiệu mình là Phạm Văn Thanh (tên giả) hỏi anh N tại sao ngồi đây thì được N kể lại toàn bộ sự việc. Khi nghe xong thì X giới thiệu mình có nhiều mối quan hệ có thể lo án treo cho N được và ra giá 40.000.000đ, đồng thời lấy số điện thoại của N. Đến ngày hôm sau, Phạm X liên lạc với N hẹn gặp để nói chuyện và yêu cầu đem theo chứng minh nhân dân của N và của anh Đinh Đức T3. Khi gặp thì Xnói mình có rất nhiều mối quan hệ có thể lo cho N được án treo và sau đó Xyêu cầu N đưa tiền cho ông Xđể chạy án treo.

Đến ngày 26/8/2017, Phạm X điện thoại cho N yêu cầu N đem tiền lên và anh N giao cho X số tiền 40.000.000đ tại nhà của X. Khi nhận tiền thì Phạm X lấy tên là Phạm Văn Thanh để viết nhận số tiền là 40.000.000đ ghi để chạy việc nhưng thực chất là để chạy án treo và nói đưa thêm 1.000.000đ ghi để uống nước và đi lại (không viết giấy). Sau đó Phạm X nhắn tin từ số điện thoại 0905174436 của ông X với nội dung: *"Sáng nay con đem lên chú 10 triệu để lo cho Viện kiểm sát và bên Tòa. Chuẩn bị trước đê"*, gửi đến số máy của N nên N tiếp tục đưa cho X10.000.000đ (không có giấy tờ gì). Đến ngày 24.10.2017, Cơ quan thi hành lệnh bắt giam N. Lúc này, N liên lạc với X thì X nhắn tin bằng số điện thoại 0905174436 với nội dung *"Ở ra tòa rồi về, vì phải kéo án E đừng lo"* sau đó Tòa tuyên án phạt N 03 năm tù.

Sau khi N bị bắt thì N nói với vợ mình là chị Phạm Thị L về việc đưa tiền cho Phạm X để lo chạy án treo. Khi nghe chồng mình nói sự việc như vậy thì chị L điện thoại cho X yêu cầu trả lại tiền nhưng X không trả mà hẹn và dẫn chị L, chị Nguyễn Thị B, là chị ruột của N đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Tại đây, X nói với chị L và chị B đứng ngoài còn mình đi vào Tòa án, rồi đi vào Viện kiểm sát, sau đó ra nói với bà L và bà Bé đã gặp và lo rồi, thực chất Phạm X không gặp ai cả. Sau đó, cả ba ngồi uống cà phê trao đổi sự việc chạy án treo của N. Trong khi nói chuyện thì bà B đã ghi âm toàn bộ nội dung cuộc trò chuyện với Phạm X.

Ngày 07/02/2018, chị L gửi đơn tố cáo Phạm X về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra Phạm X đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án sơ thẩm số 65/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạm X 02 (hai) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 27/11/2018, bị cáo Phạm X có đơn kháng cáo với nội dung: Phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã lớn tuổi, gia đình có ông nội Phạm Đăng M là liệt sỹ, chị ruột Phạm Thị T được tặng thưởng huân chương kháng chiến; thực tế chỉ chiếm đoạt 40 triệu nhưng cấp sơ thẩm kết luận chiếm đoạt 51 triệu là không đúng. Từ các lý do trên bị cáo xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hợp lệ.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo với mức án 02 năm tù là có căn cứ, phù hợp. Xét các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; tuy sau khi xử sơ thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình có công với cách mạng, nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người khác để trục lợi, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Hòa Vang nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phạm X giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm X khai nhận: Lợi dụng sự cả tin của người bị hại là ông N trong việc bị các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý hành vi vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo X đã đưa ra thông tin gian dối và đặt vấn đề chạy án để nhận của ông N 3 lần với tổng số tiền 51 triệu đồng. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm X thì thấy: Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo

vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội mà còn ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, đối với bị cáo cần được xử lý nghiêm minh. Tuy hậu quả của vụ án đã được khắc phục, bị cáo đã bồi hoàn đầy đủ số tiền 51.000.000 đồng cho bị hại; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp chứng cứ thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội bị cáo là liệt sỹ, chị bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng bổ sung cho bị cáo. Nhưng xét thấy tính chất mức độ phạm tội của bị cáo nghiêm trọng, bị truy tố xét xử ở khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự và xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, không nặng chỉ là mức án khởi điểm của khung hình phạt. Việc bị cáo cho rằng phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật và bị cáo hiện nay lớn tuổi là không có căn cứ và cũng không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Việc bị cáo cho rằng chỉ chiếm đoạt 40.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo chiếm đoạt tới 51.000.000 đồng là không đúng, gây bất lợi cho bị cáo; lời khai này của bị cáo là không có căn cứ, tài liệu tại hồ sơ vụ án gồm có: lời khai thừa nhận của bị cáo tại quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, đoạn băng ghi âm nói chuyện giữa bị cáo và vợ bị hại đều thể hiện bị cáo đã 03 lần chiếm đoạt tiền của bị hại, gồm: lần 1 là 40.000.000 đồng, lần 2 là 1.000.000 đồng và lần 3 là 10.000.000 đồng; lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần phải áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội từ hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo; thiếu sót này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Từ những nhận định trên, để đảm bảo mục đích răn đe giáo dục bị cáo Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm X phạm tội ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"***

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm X **02 (hai)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm X phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang;
- Toà án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Long